TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2018
V/v: *"Xin ly hôn''*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thanh Thúy

Ông Trần Văn Hưng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga-Kiểm sát viên

Trong ngày 29 và 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 482/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Đỗ Hữu C, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 49/6 TQK, phường TĐ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: Số 48/7/1 Đường số S, phường BTT, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Số 71A8, Đại lộ ĐK, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Đỗ Hữu C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Trúc L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện BT, tỉnh Bến Tre vào năm 2006. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống và làm việc tại thành phố BT cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi thứ trong cuộc sống, từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ cả hai không thống nhất quan điểm với nhau. Ông muốn học lên cao học và chuyển về làm việc tại

thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà L không đồng ý. Đến tháng 5/2011 ông chuyển đến công tác tại Ủy ban nhân dân Quận M, thành phố Hồ Chí Minh còn vợ ông vẫn sống và làm việc tại BT. Do mâu thuẫn trong cuộc sống giữa vợ chồng nên vào năm 2013 ông có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố BT. Tòa án đã tiến hành hòa giải, vợ chồng ông đã thống nhất và giải quyết một số mâu thuẫn và vì muốn vợ chồng cho nhau cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình nên ông rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố BT đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 70/2013/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/3013.

Từ năm 2013 đến nay, vợ ông vẫn không thay đổi quan điểm sống nên vợ chồng ông vẫn chưa tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn, cụ thể: trước đây bà L không đồng ý lên thành phố Hồ Chí Minh sống cùng chồng vì chưa có nhà riêng nhưng nay ông có việc làm và nhà ở ổn định tại thành phố Hồ Chí Minh nên muốn đón vợ cùng với con lên sống chung để có điều kiện quan tâm chăm sóc lẫn nhau nhưng bà L vợ ông không đồng ý mà muốn sống và làm việc tại BT. Vợ chồng cũng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không tôn trọng nhau. Bà L dùng lý thuyết phật giáo để tranh luận với ông trong mọi vấn đề trong cuộc sống. Đồng thời sự tin tưởng về sự thủy chung của cả hai cũng không còn nên thường xuyên cải vả nhau, gia đình không hạnh phúc, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy và hình thành nhân cách của con. Nay ông C xác định không còn tình cảm với bà L nên yêu cầu xin ly hôn với bà L.

Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Hữu P, sinh ngày 28/10/2007. Hiện nay cháu P đang sống với bà L tại thành phố BT. Ông đồng ý để bà L được tiếp tục nuôi con chung và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có;

Theo bản tự khai ngày 30/11/2017, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông C về thời gian đăng ký hôn, nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng bà. Cuộc sống vợ chồng bà thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2013, ông C có làm đơn xin ly hôn nhưng ông C đã rút đơn xin ly hôn, vợ chồng hàn gắn lại sống với nhau cũng hạnh phúc. Đối với nguyên nhân gây mâu thuẫn giữa vợ chồng bà như ông C trình bày bà sẽ cố gắng sửa đổi, bà đồng ý chuyển lên thành phố Hồ Chí Minh sống cùng ông C. Bà cũng muốn vợ chồng hàn gắn để chăm lo cho con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Hữu P, sinh năm 28/10/2007. Bà không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án cho bà với ông C ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án thấy rằng: Mâu thuẫn giữa bà L và ông C thực tế đã xảy ra, quan điểm sống giữa bà L và ông C khác nhau hoàn toàn, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Năm 2013, ông C đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó ông C rút đơn để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C, bà L vẫn xảy ra và ngày càng gay gắt hơn. Mặc dù bà L không đồng ý ly hôn nhưng bà L không đưa ra được một biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng bà. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông C, bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông C. Về con chung đề nghị giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đỗ Hữu P. Ghi nhận ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại phường Phú Tân, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố BT, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Đỗ Hữu C kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/6/2006 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2013 ông C đã làm đơn xin ly hôn bà L nhưng đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm với nhau. Nay ông C thấy những bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng ông quá nhiều, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà L.

[3] Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L với ông C thực tế đã xảy ra. Tòa án có tiến hành xác minh ông Nguyễn Văn Bé B là cha ruột bà L đã cho biết: vợ chồng bà L ông C cũng có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân chính có thể do vợ chồng L bất đồng quan điểm trong cuộc sống, Cường muốn L cùng với con trai lên thành phố Hồ Chí Minh sống chung để sum hợp gia đình nhưng L con gái ông không đồng ý. Ông cũng có khuyên L con gái ông chuyển công tác cùng với con trai lên sống cùng với chồng ở thành phố Hồ Chí Minh để gắn kết tình cảm vợ chồng nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Ông Nguyễn Xuân D có quan hệ bà con với ông C cho biết: vợ chồng ông C với bà L có mâu thuẫn với nhau, vợ chồng sống và làm việc mỗi người một nơi xa nhau. Ông C có việc làm và nhà ở ổn định nên muốn bà L cùng con trai lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nhưng bà L không đồng ý. Năm 2013, ông C có làm đơn xin ly hôn nhưng do gia đình khuyên can nên ông C rút đơn. Đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C vẫn không được cải thiện, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa nên ông C làm đơn xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông C đã xảy ra từ năm 2013, ông C đã làm đơn xin ly hôn nhưng ông C cũng đã rút đơn xin ly hôn để vợ chồng có thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Đến nay đã hơn 04 năm, ông C lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C, bà L vẫn tiếp tục xảy ra và ngày càng gay gắt hơn, quan điểm sống của vợ chồng bà mọi vấn đề đều khác nhau dẫn đến mâu thuẫn với nhau và ly thân với nhau. Mặc dù bà L không đồng ý ly hôn với ông C nhưng bà L không đưa ra được một biện pháp nào để có thể hàn gắn lại hạnh phúc vợ chồng mình. Do mâu thuẫn của vợ chồng ông C, bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông C.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Hữu P, sinh ngày 28/10/2007. Hiện nay cháu P đang sống với bà L tại thành phố BT nên giao con chung Đỗ Hữu P cho bà L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đỗ Hữu P. Ghi nhận ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000(Ba triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[5]Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]Về nợ chung: Ông C, bà L khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng, ông Đỗ Hữu C phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các Điều 28 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Hữu C, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Ông Đỗ Hữu C được ly hôn bà Nguyễn Thị Trúc L.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Đỗ Hữu P, sinh ngày 28/10/2007. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Ghi nhận ông Đỗ Hữu C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000(Ba triệu)đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Đỗ Hữu C được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận, nên Tòa án không xem xét giải quyết

- *Về nợ chung*: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn)đồng, ông Đỗ Hữu C phải chịu; Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng ông Đỗ Hữu C phải chịu. Tổng cộng ông Đỗ Hữu C phải nộp án phí sơ thẩm là 600.000(Sáu trăm ngàn)đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đỗ Hữu C đã nộp là 300.000(Ba trăm ngàn)đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013926 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Ông Đỗ Hữu C tiếp tục nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND xã MT, h.BT;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Thúy **Trần Văn Hưng** **Nguyễn Thị Đoan Trang**